

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2017/HS-ST
Ngày 22 tháng 11 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Trọng Hoàn và ông Đào Tiên Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2017, tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố P, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 31/2017/TLST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2017/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2017, đối với bị cáo:

Trần Văn T, sinh năm 1991, tại Hà Nam; nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố P, phường M, quận B, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Thôn 5, xã Đ, thành phố P, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn V và bà Trần Thị T; có vợ Vương Thị H và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam ngày 23 tháng 9 năm 2017. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1976; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện U, Thành phố Hà Nội, vắng mặt.

2. Anh Lê Thế A, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn C, xã L, huyện T, tỉnh Hà Nam, vắng mặt.

3. Anh Vương Duy T, sinh năm 1972; nơi cư trú: Tổ dân phố P, phường M, quận B, Thành phố Hà Nội, vắng mặt.

4. Chị Vương Thị H, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn 5, xã Đ, thành phố P, tỉnh Hà Nam, vắng mặt.

5. Anh Nguyễn Thế C, sinh năm 1981; nơi cư trú: Xóm 1, thôn D, xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 23/9/2017, Nguyễn Văn H, sinh năm 1976; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện U, Thành phố Hà Nội gặp Lê Thế A, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn C, xã L, huyện T, tỉnh Hà Nam. Thế A rủ H đi mua ma túy, Thế A điện cho T và nói “để cho em bốn trăm, em đang ở gốc đa rồi”. T đồng ý và nói “đợi một lúc” sau đó, nhắn tin cho Thế A hẹn đến chiều.

Đến khoảng 14 giờ cùng ngày Thế A và H thuê xe ôm xuống khu vực chùa Giàu, gọi điện cho T nói “Em đến nơi rồi anh ra đi”, T nói “đợi anh một lúc”. Khoảng 30 phút sau, Trần Văn T điều khiển xe mô tô BKS 30Z5 - 51... đến điểm hẹn và gặp nhau, Thế A đưa cho T 200.000đ (gồm 02 tờ tiền mệnh giá 100.000đ), đồng thời nói với H “đưa nốt tiền đi”, H lấy ra 200.000đ (một tờ tiền mệnh giá 100.000đ và 02 tờ tiền mệnh giá 50.000đ) đưa cho T; T cầm tiền bỏ vào túi quần soóc phía sau bên trái rồi lấy ở gấu quần soóc phía bên trái ra 02 gói ma túy, bên ngoài đều được gói bằng nilon màu hồng hàn kín, bên trong gói bằng giấy màu trắng có in chữ, bên trong có chứa chất bột màu trắng đưa cho Thế A. Thế A cầm và đưa cho H 01 gói, gói còn lại bỏ vào túi quần phía trước bên trái thì bị lực lượng Cảnh sát phòng chống ma túy Công an tỉnh Hà Nam phát hiện bắt quả tang. Vật chứng thu giữ gồm:

Thu của Trần Văn T trong túi quần phía trước bên trái 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu xanh, được niêm phong trong phong bì kí hiệu QT01; thu trong túi quần phía sau bên trái tổng số tiền 400.000đ (03 tờ 100.000đ, 02 tờ 50.000đ), được niêm phong trong phong bì kí hiệu QT02; tạm giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu Airblade mang biển kiểm soát 30Z5 - 51...

Thu của Lê Thế A trong túi quần phía trước bên trái 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ màu xám, được niêm phong trong phong bì kí hiệu QT03; 01 gói nilon màu hồng hàn kín, bên trong gói bằng giấy màu trắng có in chữ và chứa chất bột màu trắng được niêm phong trong phong bì kí hiệu QT04; thu trong túi quần phía trước bên phải 04 vé xổ số lô tô loại vé 5.000đ được niêm phong trong phong bì kí hiệu QT05.

Thu của Nguyễn Văn H trong túi quần phía trước bên trái 06 vé xổ số lô tô loại vé 5.000đ được niêm phong trong phong bì kí hiệu QT06; 01 gói nilon màu hồng hàn kín, bên trong gói bằng giấy màu trắng có in chữ và chứa chất bột màu trắng được niêm phong trong phong bì kí hiệu QT07.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Trần Văn T, tại thôn 5, xã Đ, thành phố P, tỉnh Hà Nam thu giữ trên nóc tủ quần áo trong buồng ngủ 01 túi nilon màu trắng bên trong có 01 gói giấy bạc màu trắng và cục bột màu trắng được niêm phong trong phong bì kí hiệu KX01; 01 Sổ hộ khẩu phổ thông công chứng mang tên chủ hộ Vương Thị H.

Tại Bản giám định số 180/PC54-MT ngày 26/9/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Nam kết luận: Chất bột màu trắng dạng cục trong mẫu ký hiệu QT04, QT07 và KX01 gửi giám định đều là chất ma túy loại Heroine có trọng lượng lần lượt là 0,028g, 0,016g và 0,747g. Tổng trọng lượng Heroine thu giữ là 0,791g.

Quá trình điều tra còn xác định được:

Hồi 16 giờ ngày 21/9/2017, Trần Văn T đã bán trái phép 01 gói Heroin với giá 200.000đ cho Nguyễn Văn H, tại cổng Trường cấp II xã Đ, thành phố P, tỉnh Hà Nam, Nguyễn Văn H và Lê Thế A đã sử dụng hết. Đến 17 giờ, ngày 22/9/2017, Trần Văn T lại bán trái phép 01 gói Heroine với giá 200.000đ cho Lê Thế A, tại đường liên xã thuộc thôn 5, xã Đ, thành phố P, tỉnh Hà Nam, Thế A đã sử dụng hết.

Nguồn gốc số Heroine Trần Văn T bán trong các ngày 21, 22 và 23/9/2017 cũng như số Heroine Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Nam thu giữ tại nhà T, theo T khai mua của một người xe ôm tại khu vực gần siêu thị Big C ở thành phố N, tỉnh Nam Định; T không biết họ, tên, địa chỉ cụ thể và Biển số xe của người xe ôm đó nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Nam không có căn cứ để xác minh làm rõ.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình.

Tại Cáo trạng số 32/CTr-VKS ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam đã truy tố Trần Văn T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 33 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm 06 tháng tù; phạt bổ sung từ 5.000.000đ đến 7.000.000đ, sung quỹ Nhà nước; Tịch thu tiêu hủy những vật chứng không có giá trị sử dụng còn những vật chứng có giá trị sử dụng sung quỹ Nhà nước; truy thu số tiền 400.000đ mà bị cáo T bán ma túy ngày 21 và 22 tháng 9 năm 2017, sung quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Hà Nam, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định

của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa; bị cáo và Kiểm sát viên đều nhất trí đề nghị tiếp tục xét xử; Hội đồng xét xử thấy việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án, tại phiên tòa bị cáo Trần Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ, kết luận giám định cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Do nghiện ma túy để có tiền sử dụng ma túy nên khoảng 14 giờ ngày 23/9/2017, Trần Văn T đã bán trái phép 02 gói Heroine, tổng trọng lượng là 0,044g cho Nguyễn Văn H và Lê Thế A với giá 400.000đ thì bị lực lượng Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Hà Nam phát hiện bắt quả tang.

Ngoài ra, vào khoảng 16 giờ ngày 21/9/2017, tại công trường cấp II xã Đ, thành phố P, tỉnh Hà Nam; Trần Văn T đã bán trái phép 01 gói Heroine với giá 200.000đ cho Nguyễn Văn H và khoảng 17 giờ ngày 22/9/2017, tại đường liên xã thuộc thôn 5, xã Đ, thành phố P, tỉnh Hà Nam; Trần Văn T còn bán trái phép 01 gói Heroine với giá 200.000đ cho Lê Thế A. Khám xét khẩn cấp nơi ở của T thu giữ được 0,747g Heroine, theo T khai mua về để sử dụng và bán kiếm lời. Hành vi của bị cáo Trần Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của Trần Văn T thấy rằng: Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến chế độ độc quyền về quản lý các chất ma túy của Nhà nước. Bản thân bị cáo biết rõ tác hại, mức độ nguy hiểm của ma túy ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của con người, làm khánh kiệt về kinh tế cho người sử dụng và còn là nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội nên cần phải xử phạt bị cáo bằng hình phạt nghiêm khắc mới đáp ứng được yêu cầu phòng, chống loại tội phạm này đặc biệt nghiêm trọng giai đoạn hiện nay.

Xét nhân thân của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy: Bị cáo Trần Văn T có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; quá trình khai báo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải; bản thân đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự được gia đình xuất trình Quyết định xuất ngũ tại phiên tòa. Do vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp với quy định điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự; bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng.

Qua xem xét về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng hình phạt tù để cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, cải tạo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo T vì mục đích lợi nhuận nên cần áp dụng khoản 5 Điều 194 của Bộ luật Hình sự, phạt tiền đối với bị cáo Trần Văn T như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam là phù hợp.

[5] Về xử lý vật chứng: 03 phong bì niêm phong số 180/PC54-MT là mẫu hoàn trả sau giám định có ký hiệu QT04, QT07 và KX01 cần tịch thu tiêu hủy; về chiếc điện thoại di động Nokia, vỏ màu xanh trong máy có lắp sim và cục pin của máy đây là điện thoại của T sử dụng để liên lạc mua bán trái phép chất ma túy cùng số tiền 400.000đ tạm giữ của Trần Văn T do bán ma túy cho H và Thế A mà có cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Đối với chiếc điện thoại di động Nokia thu giữ của Lê Thế A, quá trình điều tra xác định của anh Nguyễn Thế C cho Thế A mượn để liên lạc nên ngày 16/10/2017, Cơ quan điều tra trả lại chiếc điện thoại cho anh Nguyễn Thế C là phù hợp pháp luật. Riêng 04 vé xổ số lô tô loại vé 5000đ tạm giữ của Lê Thế A và 06 vé xổ số lô tô loại vé 5000đ tạm giữ của Nguyễn Văn H đều không trúng thưởng, H và Thế A không đề nghị trả lại nên lưu hồ sơ vụ án.

Đối với chiếc xe mô tô BKS 30Z5 - 51... tạm giữ của Trần Văn T, quá trình điều tra đã xác định chủ sở hữu là của anh Dương Duy T, nơi cư trú: Tổ dân phố P, phường M, quận B, Thành phố Hà Nội. Anh T cho vợ chồng Trần Văn T mượn làm phương tiện đi lại. Việc T sử dụng làm phương tiện đi bán trái phép chất ma túy, chủ sở hữu không biết. Ngày 16/10/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Nam đã trả lại chiếc xe máy cho anh Dương Duy T là phù hợp với quy định của pháp luật. Về số tiền 400.000đ do Trần Văn T bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn Văn H và Lê Thế A ngày 21, 22 tháng 9 năm 2017, chưa thu giữ được nên cần truy thu sung quỹ Nhà nước.

[6] Đối với Nguyễn Văn H và Lê Thế A là những người nghiện ma túy đã có hành vi mua Heroine của Trần Văn T về sử dụng, song lượng Heroine dưới 0,1gam; bản thân H và Thế A chưa có tiền án về tội “Tàng trữ, vận chuyển hoặc chiếm đoạt trái phép chất ma túy”. Do vậy, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Hà Nam không xử lý trách nhiệm hình sự mà xử phạt hành chính là phù hợp pháp luật.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 33 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn T 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 23 tháng 9 năm 2017.

Áp dụng khoản 5 Điều 194 của Bộ luật Hình sự; phạt bị cáo Trần Văn T 5.000.000đ (năm triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự và Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu, tiêu hủy 03 (ba) phong bì niêm phong số 180/PC54-MT là mẫu vật hoàn trả ký hiệu QT04, QT07 và KX01.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, vỏ màu xanh, số Model: 1280, số IMEEI 357902/05/163071/9, trong máy lắp một sim Viettel và cục pin của máy.

(Tình trạng như biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Nam với Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam ngày 06/11/2017).

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) theo ủy nhiệm chi số 54, lập ngày 06/11/2017.

Buộc bị cáo Trần Văn T phải nộp số tiền 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) do bán ma túy ngày 21 và 22 tháng 9 năm 2017 để sung quỹ Nhà nước.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Công an tỉnh Hà Nam;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- Phòng KTNV & THAHS Tòa án tỉnh;
- UBND xã Đ, thành phố P;
- Bị cáo;
- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án; Bộ phận HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Đức Thủy

